TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 8 – 2026
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Dũng Em

2. Bà Trần Thị Huệ

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026, về tranh chấp "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1998 (có đơn đề nghị vắng mặt).

CCCD số 089198017947, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Nơi cư trú: tổ 25, ấp An Hòa, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang

Địa chỉ liên hệ: phường T, Thành Phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại: 0393.XXXXXX

2. Bị đơn: anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1994 (vắng mặt).

CCCD số 089094XXXXXX, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Nơi cư trú: ấp V, xã P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 087.XXXXXX

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

- Về hôn nhân: chị N và anh H quen biết hiểu nhau được gia đình hai bên đồng ý, tổ chức đám cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện P, tỉnh An Giang (nay là xã P, tỉnh An Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2016 ngày 25/7/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau liên quan rất nhiều vấn đề từ gia đình hai bên; anh H không lo làm ăn mà ham chơi, chị có khuyên ngăn nhưng anh H không sửa đổi. Chị cũng đã nhiều lần tạo cơ hội hàn gắn nhưng không được mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng hơn, vợ chồng không còn chia sẻ, không nói chuyện nhau trong thời gian dài, không còn quan tâm cuộc sống của nhau. Vợ chồng chính thức sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi đã hơn 07 năm. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quốc H

- Về con chung: vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị N và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nay chị N yêu cầu ly hôn với anh H; về con chung không có, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Quốc H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Vàm Nao, xã Phú Tân, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang thụ lý, giải quyết đúng quy định pháp luật.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 02 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Quốc H. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của chị N anh H được xác lập năm 2016 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn là có cơ sở nên được chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: chị N và anh H không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí là 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016373 ngày 17/3/2026 của Thi hành án dân sự khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV12 - AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Phú Tân, tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền